

HỒ SƠ QUYẾT TOÁN

CÔNG TRÌNH	:	KÊNH MAI DƯƠNG 5 TIẾP NGUỒN VÀO TB QUẢN BẾ VÀ TB TRUNG THANH
CHỦ ĐẦU TƯ	:	LANG 2 – HẠNG MỤC: NẠO VẾT, ĐẮP BỜ L=1440M
ĐỊA ĐIỂM	:	CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI ĐA ĐỘ
NHÀ THẦU THI CÔNG	:	XÃ AN HUNG, TP. HẢI PHÒNG
NHÀ THẦU TVGS	:	CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐỊNH SƠN
	:	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TRUNG ĐÔNG

Hải Phòng, năm 2025

BẢNG TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN
CÔNG TRÌNH: KÊNH MAI DƯƠNG 5 TIẾP NGUỒN VÀO TB QUÁN BÉ VÀ TB TRUNG THANH LANG 2
HẠNG MỤC: NẠO VẾT, ĐẬP BỜ L=1440M
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ AN HÙNG - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Đơn vị tính: (đ)

STT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Chi phí trước thuế	Thuế giá trị gia tăng	Chi phí sau thuế
1	Chi phí xây dựng	Gxd		544.061.667	27.442.333	571.504.000
1.1	Chi phí xây lắp	Gxd	HSQT gói thầu số 02: Thi công Kênh Mai Dương 5 tiếp nguồn vào TB Quán Bé và TB Trung Thanh Lang 2 - Hàng mục: Nạo vét, đắp bờ L=1440m	536.086.667	26.804.333	562.891.000
1.2	Chi phí hạng mục chuyển di chuyển máy	Gxd.1		7.975.000	638.000	8.613.000
2	Chi phí quản lý dự án	Gqlda		5.821.481		5.821.481
3	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	Gtv		72.878.704	5.830.296	78.709.000
3.1	Chi phí khảo sát, lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật	Gtv1	HSQT gói thầu Tư vấn khảo sát, lập BCKTKT công trình	54.905.556	4.392.444	59.298.000
3.2	Chi phí thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, phân thiết kế và dự toán	Gtv2	HSQT gói thầu Tư vấn thẩm tra báo cáo kinh tế - kỹ thuật phân thiết kế và dự toán	4.000.000	320.000	4.320.000
3.3	Chi phí giám sát thi công xây dựng	Gtv5	HSQT gói thầu số 01: Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình	13.973.148	1.117.852	15.091.000
4	Chi phí khác	Gk	Gk1	3.834.852		3.835.000
4.1	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	Gk1		3.834.852		3.835.000
	TỔNG CỘNG			626.596.703	33.272.630	659.869.481
	LÀM TRÒN	Gtmdt				659.869.000

Bảng chữ: Sáu trăm năm mươi chín triệu tám trăm sáu mươi chín nghìn đồng chẵn./.

Ngày 01 tháng 11 năm 2025
ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

NGƯỜI LẬP



(Handwritten signature)

Nguyễn Anh Tuấn

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Bùi Văn Tiến

BẢNG GIÁ TRỊ QUYẾT TOÁN

Công trình: Kênh Mai Dương 5 tiếp nguồn vào TB Quán Bế và TB Trung Thanh Lang 2 - Hạng mục: Nạo vét, đắp bờ L=1.440m
Gói thầu số 02: Thi công Kênh Mai Dương 5 tiếp nguồn vào TB Quán Bế và TB Trung Thanh Lang 2 - Hạng mục: Nạo vét, đắp bờ L=1.440m
Hợp đồng số: 8.4/2025/HĐTCXD ngày 16/8/2025
Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đa Độ
Nhà thầu thi công: Công ty TNHH xây dựng Định Sơn
Nhà thầu TVGS: Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Trung Đông

STT	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng			Đơn giá (đ)	Thành tiền (đ)		
			Theo Hợp đồng	Quyết toán	Chênh lệch		Theo Hợp đồng	Quyết toán	Chênh lệch
I	NAO VÉT, ĐẮP BỜ KÊNH						564.736.000	562.891.000	-1.845.000
1	Đào kênh mương bằng máy đào, đất cấp I	100m3	72,0875	71,2225	- 0,87	2.132.670	153.738.850	151.894.091	- 1.844.760
2	Đắp bờ kênh mương bằng máy đào - độ chặt yêu cầu K=0,85	100m3	47,0345	47,0345	-	2.103.694	98.946.200	98.946.200	-
3	Đắp bờ kênh mương bằng thủ công, dung trọng <= 1,45 T/m3	m3	1.818,65	1.818,65	-	166.345	302.523.725	302.523.725	-
4	Phao thép phục vụ thi công	ca	54,00	54,00	-	137.936	7.448.558	7.448.558	-
5	Nhân công lắp ghép tháo dỡ phao thép, đầu nối điện	công	6,00	6,00	-	346.422	2.078.532	2.078.532	-
II	DI CHUYỂN MÁY MÓC, THIẾT BỊ						8.613.000	8.613.000	0
1	Ô tô đầu kéo vận chuyển máy đào đến và đi	ca	2	2	-	1.464.734	2.929.468	2.929.468	-
2	Rơ mooc vận chuyển máy đào đến và đi	ca	2	2	-	235.461	470.921	470.921	-
3	Ô tô gắn cần trục vận chuyển phao thép đến và đi	ca	2	2	-	2.606.342	5.212.685	5.212.685	-
	TỔNG CỘNG						573.349.000	571.504.000	-1.845.000

Bảng chữ: Năm trăm bảy mươi một triệu năm trăm linh bốn nghìn đồng chẵn./.

Hải Phòng, ngày 30 tháng 10 năm 2025

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Đào Văn Tiến

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU



Giám đốc
Nguyễn Sĩ Sơn

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG QUYẾT TOÁN

Công trình: Kênh Mai Dương 5 tiếp nguồn vào TB Quán Bế và TB Trung Thanh Lang 2 - Hạng mục: Nạo vét, đắp bờ L=1.440m
Gói thầu số 02: Thi công Kênh Mai Dương 5 tiếp nguồn vào TB Quán Bế và TB Trung Thanh Lang 2 - Hạng mục: Nạo vét, đắp bờ L=1.440m
Hợp đồng số: 8.4/2025/HĐTCXD ngày 16/8/2025
Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đa Độ
Nhà thầu thi công: Công ty TNHH xây dựng Định Sơn
Nhà thầu TVGS: Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Trung Đông

STT	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng		
			Theo Hợp đồng	Quyết toán	Chênh lệch
I	NẠO VÉT, ĐÁP BỜ KÊNH				
1	Đào kênh mương bằng máy đào, đất cấp I	100m3	72,0875	71,2225	- 0,87
2	Đắp bờ kênh mương bằng máy đào - độ chặt yêu cầu K=0,85	100m3	47,0345	47,0345	-
3	Đắp bờ kênh mương bằng thủ công, dung trọng <= 1,45 T/m3	m3	1.818,65	1.818,65	-
4	Phao thép phục vụ thi công	ca	54,00	54,00	-
5	Nhân công lắp ghép tháo dỡ phao thép, đầu nối điện	công	6,00	6,00	-
II	DI CHUYỂN MÁY MÓC, THIẾT BỊ				
1	Ô tô đầu kéo vận chuyển máy đào đến và đi	ca	2	2	-
2	Rơ mooc vận chuyển máy đào đến và đi	ca	2	2	-
3	Ô tô gắn cần trục vận chuyển phao thép đến và đi	ca	2	2	-

Hải Phòng, ngày 30 tháng 10 năm 2025

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU TƯ VẤN GIÁM SÁT

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU THI CÔNG



Mr

Giám đốc
Nguyễn Sĩ Sơn

BẢNG CHI TIẾT KHỐI LƯỢNG QUYẾT TOÁN ĐÀO, ĐẮP

Công trình: Kênh Mai Dương 5 tiếp nguồn vào TB Quán Bể và TB Trung Thanh Lang 2 - Hạng mục: Nạo vét, đắp bờ L=1.440m

Gói thầu số 02: Thi công Kênh Mai Dương 5 tiếp nguồn vào TB Quán Bể và TB Trung Thanh Lang 2 - Hạng mục: Nạo vét, đắp bờ L=1.440m

Hợp đồng số: 8.4/2025/HĐTCXD ngày 16/8/2025

Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đa Độ

Nhà thầu thi công: Công ty TNHH xây dựng Định Sơn

Nhà thầu TVGS: Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Trung Đông

Tên cọc	Khoảng cách		Diện tích (m ²)			Khối lượng (m ³)			Ghi chú
	Thực	Áp dụng	Đào máy	Đắp bờ bằng máy	Đắp bờ bằng thủ công	Đào máy	Đắp bờ bằng máy	Đắp bờ bằng thủ công	
A		25	5,45	3,10	1,24	136,25	77,50	31,00	
	50								
1		50	5,03	3,63	1,28	251,50	181,50	64,00	
	50								
2		50	5,62	3,09	1,24	281,00	154,50	62,00	
	50								
3		50	5,45	3,65	1,31	272,50	182,50	65,50	
	50								
4		50	5,69	3,08	1,24	284,50	154,00	62,00	
	50								
5		50	5,05	3,27	1,28	252,50	163,50	64,00	
	50								
6		50	5,62	3,17	1,26	281,00	158,50	63,00	
	50								
7		50	4,83	3,42	1,29	241,50	171,00	64,50	
	50								
8		50	5,42	3,26	1,26	271,00	163,00	63,00	
	50								
9		50	4,31	3,35	1,26	215,50	167,50	63,00	
	50								
10		50	5,62	3,22	1,26	281,00	161,00	63,00	
	50								
11		50	4,31	2,97	1,24	215,50	148,50	62,00	
	50								
12		50	4,88	3,42	1,28	244,00	171,00	64,00	
	50								
13		50	4,89	2,80	1,21	244,50	140,00	60,50	
	50								
14		50	4,31	3,58	1,28	215,50	179,00	64,00	
	50								
15		50	3,76	3,07	1,24	188,00	153,50	62,00	
	50								

Tên cọc	Khoảng cách		Diện tích (m ²)			Khối lượng (m ³)			Ghi chú
	Thực	Áp dụng	Đào máy	Đắp bờ bằng máy	Đắp bờ bằng thủ công	Đào máy	Đắp bờ bằng máy	Đắp bờ bằng thủ công	
16		50	4,68	3,19	1,26	234,00	159,50	63,00	
	50								
17		50	4,68	3,56	1,28	234,00	178,00	64,00	
	50								
18		50	4,68	3,22	1,26	234,00	161,00	63,00	
	50								
19		50	4,64	3,41	1,28	232,00	170,50	64,00	
	50								
20		50	5,29	2,91	1,21	264,50	145,50	60,50	
	50								
21		50	5,28	2,85	1,24	264,00	142,50	62,00	
	50								
22		50	4,68	3,63	1,31	234,00	181,50	65,50	
	50								
23		50	4,68	3,26	1,26	234,00	163,00	63,00	
	50								
24		50	5,05	3,00	1,24	252,50	150,00	62,00	
	50								
25		50	5,05	3,55	1,28	252,50	177,50	64,00	
	50								
26		50	5,05	3,00	1,24	252,50	150,00	62,00	
	50								
27		50	5,05	3,35	1,28	252,50	167,50	64,00	
	50								
28		45	4,48	3,69	1,31	201,60	166,05	58,95	
	40								
29		20	5,22	3,22	1,26	104,40	64,40	25,20	
Tổng:	1440	1440				7.122	4.703	1.819	

Tổng hợp khối lượng

1/ Tổng chiều dài các đoạn:	1.440 m
2/ Khối lượng đất đào bằng máy:	7.122,25 m ³
3/ Khối lượng đất đắp bằng máy:	4.703,45 m ³
4/ Khối lượng đất đắp bằng thủ công:	1.818,65 m ³

CHỈ HUY TRƯỞNG

TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG

Thỏa



Nguyễn Sĩ Thỏa

Nguyễn Quốc Hội